

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẬU LỘC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DSST

Ngày 28/01/2021

Tranh chấp về việc

"Đòi lại tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC - TỈNH THANH HÓA.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Công Kiều

Ông Trịnh Tiến Thanh

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê – Thư ký Tòa án

Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa:

Ông Đoàn Văn Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2020/TLST – DS ngày 18/11/2020 về tranh chấp "Đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐST-DS ngày 13/01/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Hữu T - Sinh năm 1947.

Địa chỉ: Khu T. Ng, Thị Trấn H, huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Công ty cổ phần N

Địa chỉ: Khu 5, Thị Trấn H, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Người đại diện theo pháp luật:

Ông Nguyễn Công Ch - Chức vụ giám đốc Công ty.

Địa chỉ: Khu 5, Thị Trấn H, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nguyên đơn ông Trịnh Hữu T trình bày:

Ngày 11/3/2020 ông là nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc để yêu cầu Công ty cổ phần N – người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Công Ch – giám đốc trả tiền nợ cho ông. Khi đó, ông không hiểu biết nên ông chưa giao nộp bản gốc cho Tòa án và lệ phí đi giám định chữ ký của ông Ch.

Ngày 09/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc đã đình chỉ giải quyết vụ án ngày 14/9/2020, ông đã làm đơn kháng cáo quyết định đình chỉ của Tòa án

nhân dân huyện Hậu Lộc. Ngày 16/11/2020, ông tiếp tục làm đơn đến Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc. Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 92/2020/TL- DSST ngày 18/11/2020 ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần N trả tiền nợ lương cho ông cụ thể:

Tiền gốc là 126.993.474 đồng và lãi 2%/tháng tính từ tháng 01/2001 đến ngày xét xử vụ án.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần N ông Nguyễn Công Ch trình bày:

Ngày 24/3/2020 Công ty đã có công văn trả lời về việc ông Trịnh Hữu T đề nghị trả cho ông số tiền lương và tiền lãi từ năm 1990 – 1999. Để làm rõ thêm công ty khẳng định công ty không phát hành văn bản nào như vậy. Bản thân ông làm giám đốc công ty không ký văn bản đó. Để có cơ sở cho Tòa, công ty sẽ cung cấp thêm hồ sơ. Từ khi thành lập công ty cổ phần do UBND tỉnh Thanh Hóa thành lập hội đồng từ năm 1998 đến năm 2000 hoàn thành các thủ tục chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước.

Trước đó công ty cũng phải cơ cấu giải thể 3 công ty (Vật tư Hậu Lộc, thương nghiệp H L, Ngoại thương H L) gọi là công ty cấp 3 trực thuộc huyện để thành lập công ty N vào cuối năm 1990, thời điểm đó hơn 400 lao động mất việc phải nghỉ theo chế độ 176 (về một lần) của Ch phủ. Tiếp theo từ năm 1992 – 1994 tiếp tục sắp xếp doanh nghiệp, giảm con số và đến năm 1998 thực hiện theo chủ trương cổ phần hóa, đến ngày 14/12/2000 chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa có quyết định bán Doanh nghiệp nhà nước công ty N để thành lập công ty cổ phần (QĐ 3202 – QĐ/UB). Như vậy các chế độ của các cá nhân, tập thể, công nợ các đơn vị, tổ chức, cá nhân phải được giải quyết xong theo Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh. Số còn lại chuyển sang công ty cổ phần N mua lại số công nợ còn lại.

Trong hồ sơ công nợ chuyển sang không có tên ông Trịnh Hữu T. Hơn nữa hợp đồng mà ông T đưa ra cho Tòa ghi ngày 20/01/2001 đóng dấu công ty N (DNNN) mà con dấu công ty đã nộp cho công an Thanh Hóa từ ngày 17/01/2001 (có hồ sơ kèm theo). Thực tế con dấu không còn hiệu lực từ ngày 29/12/2000 vì Công ty cổ phần N đã hoạt động từ ngày 29/12/2000.

Từ bản hợp đồng của ông T đòi công ty trả số tiền nợ lương: 126.993.474 và số tiền lãi 2% từ tháng 01/2001 đến ngày xét xử vụ án, với tư cách là người đại diện theo pháp luật của công ty, ông không đồng ý trả cho ông T số tiền trên. Ông đề nghị Tòa án yêu cầu ông T làm rõ tại sao ông T có hợp đồng như vậy? Ai làm? Từ bộ phận nào? Căn cứ vào đâu để có số liệu đó?

3. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ thể hiện: Thẩm quyền thụ lý vụ án đúng quy định tại các điều 26; 35; 39 BLTTDS. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại điều 68.

Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự đúng quy định tại các điều 195; 196 BLTTDS, thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, thư ký tại phiên tòa:

HĐXX và thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp về đòi lại tài sản.

*Việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

-Những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

*Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận Đơn khởi kiện yêu đòi nợ tiền lương, theo Hợp đồng nợ tiền lương ngày 20/01/2001 của ông Trịnh Hữu T đối với Công ty cổ phần N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp về việc đòi lại tài sản giữa ông Trịnh Hữu T với Công ty cổ phần N, các đương sự có nơi cư trú thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Do ông T và người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần N ông Nguyễn Công Ch không thống nhất được với nhau về cách giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp: Theo các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, cho thấy ông Trịnh Hữu T là cán bộ Công ty CPTM H L đã nghỉ chế độ hưu trí từ tháng 12/2000, có thời gian công tác 31 năm 5 tháng. Theo hồ sơ lưu trữ tại Công ty thì ông T chuyển về Công ty vật tư Hậu Lộc theo quyết định số 64/LĐ-UBND ngày 11/11/1981 của Chủ tịch UBND huyện Hậu Lộc, ông Mai Cát Vượng ký.

Quá trình công tác ông Trịnh Hữu T lần lượt được giữ các chức vụ là cán bộ cung ứng của cửa hàng Chợ Phủ, ngày 05/9/1992 ông được điều sang làm thủ kho kiêm bán hàng, trong thời gian bán hàng ông T có nợ tiền của công ty, nên ngày 08/09/1995 công ty đã cho ông nghỉ 5 ngày để thu hồi nợ. Ngày 01/10/1996 ông T được điều động về bán hàng vật liệu xây dựng tại cửa hàng chợ Dầu, kiêm thủ kho, đến năm 2000 Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa có Quyết định số: 1162/QĐ ngày 16/12/2000 về việc cho ông T nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/10/2000.

Ông Trịnh Hữu T trình bày ngày 20/01/2001 Công ty CPTM H L do ông Nguyễn Công Ch làm giám đốc đã ký với ông một Hợp đồng nợ tiền lương, với nội dung Công ty CPTM H L nợ ông số tiền là 126.993.474đ. Đã nhiều lần ông đến Công ty CPTM Hậu Lộc để đòi nợ tiền lương, nhưng không được giải quyết, nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty CPTM Hậu Lộc trả nợ số tiền 126.993.474đ theo Hợp đồng nợ tiền lương mà Công ty CPTM H L đã ký ngày 20/01/2001 và tiền lãi và lãi 2%/tháng tính từ tháng 01/2001 đến ngày xét xử cho ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Công Ch – Giám đốc Công ty CPTM H L, không công nhận việc ông đã ký vào bản hợp đồng nợ tiền lương ngày 20/01/2001 của ông Trịnh Hữu T, Bởi vì, khi ông T về nghỉ chế độ hưu trí, các chế độ đã được thanh toán hết vì lúc đó chuyển đổi cổ phần hóa, thời gian bắt đầu chuyển đổi cổ phần hóa từ cuối năm 1998 cho đến hết năm 2000 mới xong, ban đổi mới doanh nghiệp của tỉnh chủ trì và yêu cầu tất cả các hồ sơ công nợ tập thể, cá nhân phải thu, phải trả, phải quyết toán xong mới được chuyển đổi, mặt khác thời điểm đó ông T là cán bộ thủ kho kiêm bán hàng tiền lương do đơn vị tự trả cho cán bộ trực thuộc cửa hàng, do đơn vị tự hạch toán báo sổ về công ty. Chuyển đơn vị nào thanh toán hết đơn vị đó, trong hồ sơ công nợ của công ty khi chuyển đổi không có tên ông Trịnh Hữu T.

Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập được cụ thể: Sau khi cổ phần hóa xong, ngày 17/01/2001 Công ty N đã nộp con dấu cũ cho Công an tỉnh Thanh Hóa. Cùng ngày 17/01/2001 Công an tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận mẫu con dấu mới là Công ty cổ phần N. Nhưng ông T đưa ra bản hợp đồng nợ tiền lương ghi ngày 20/01/2001 và đóng dấu Công ty N là hoàn toàn không phù hợp.

Để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký của ông Nguyễn Công Ch – Giám đốc Công ty CPTM H L, Tại Công văn số: 931/CV-PC09 ngày 31/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, nêu chữ ký đứng tên Nguyễn Công Ch ở mục “ Giám đốc” của tài liệu gửi giám định là chữ ký in và là bản sao, nên Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa từ chối giám định đối với nội dung yêu cầu giám định.

Mặt khác, tại mục danh sách các khoản nợ phải trả, kèm theo Hợp đồng mua bán doanh nghiệp nhà nước ngày 15/11/2000 trước khi chuyển đổi không hề có nội dung nào thể hiện việc Công ty N nợ ông Trịnh Hữu T số tiền 126.993.474 đ như ông T đã trình bày.

Từ những nhận xét và đánh giá nêu trên HĐXX xét thấy việc ông Trịnh Hữu T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc công ty CPTM H L trả nợ số tiền lương 126.993.474 đ của ông theo Hợp đồng nợ tiền lương ghi ngày 20/01/2001 là không có cơ sở. Nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu đòi nợ tiền lương của ông Trịnh Hữu T đối Công ty CPTM Hậu Lộc.

[5] Về án phí: Ông Trịnh Hữu T là người cao tuổi và đang hưởng chế độ thương binh, nên miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng:** Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ tiền lương của ông Trịnh Hữu T đối với Công ty cổ phần N.

*** Về án phí:** Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trịnh Hữu T.

*** Về quyền kháng cáo:** Ông T và ông Ch có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nơi nhận

- VKSND huyện Hậu lộc;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện;
- Tòa án ND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Chuyên